

PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

• PGS. TS. TRẦN KIỂU

LTS. *Hiện nay, trí tuệ đang là vấn đề được quan tâm, nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Nghiên cứu bản chất và các con đường đo lường trí tuệ một cách phù hợp sẽ kéo theo sự tiến bộ và phát triển của một loạt các khoa học về con người, đồng thời mang lại giá trị thực tiễn to lớn đặc biệt trong thời đại thông tin, thời đại kinh tế tri thức và thời kì CNH, HĐH ở nước ta.*

Từ 2001 đến nay, Chương trình khoa học - công nghệ cấp nhà nước "Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kì CNH, HĐH" (KX-05) đặt ra một yêu cầu mới là nghiên cứu sự phát triển trí tuệ theo một quan điểm và những nội dung toàn diện. Đề tài KX-05-06 do PGS. TS. Trần Kiểu cùng tập thể các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau đã thực hiện ý tưởng đó.

Trí tuệ người Việt Nam gắn chặt với truyền thống yêu nước suốt mấy ngàn năm lịch sử, là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi trong mọi cuộc đấu tranh để dựng nước và giữ nước.

Do phải chống những kẻ ngoại xâm hùng mạnh hơn mình gấp nhiều lần, mà dân tộc Việt Nam ngoài tinh thần hi sinh, chiến đấu dũng cảm đã rất mưu trí và thể hiện một trình độ trí tuệ cao trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Điều này đã được lịch sử giữ nước của dân tộc và bạn bè trên thế giới khẳng định "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" thể hiện sự linh hoạt trong tư duy ứng xử, được xem như một biểu hiện đặc sắc của trí tuệ Việt Nam. Trí tuệ người Việt Nam được phát triển trong quá trình xây dựng đất nước, gắn bó chặt chẽ với hoàn cảnh thiên nhiên, xã hội và với mọi mặt của đời sống con người. Từ ngàn xưa, qua các di vật khảo cổ cho thấy người Việt Nam thể hiện trình độ nhận thức khá toàn diện và vững chắc về thiên nhiên, xã hội, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu qua hoạt động giàu sức sáng tạo trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, thủy lợi, y học..., trong việc đương đầu với thiên tai.

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, từ lâu, nhân dân ta đã nhìn thấy rõ vai trò của yếu tố

con người nên rất coi trọng giáo dục, điều đó có ý nghĩa to lớn đối với đời sống văn hoá và tư tưởng, có tác động trực tiếp vào sự hình thành đội ngũ trí thức và mặt bằng dân trí của nhân dân. Coi trọng sự học, hiếu học là một trong những truyền thống cực kì quý báu của dân tộc ta. Có học hành mới có thể mở mang trí tuệ, có học mới "thành người". Truyền thống đó đang được gìn giữ và phát huy. Cả nước ta hiện đang có khoảng 23 triệu người đi học. Có thể xem đó là một thành tựu đầy ý nghĩa của sự nghiệp phát triển trí tuệ con người.

Quan niệm về trí tuệ

Với những thành tựu của nghiên cứu lí thuyết và đo đạc trí tuệ xét từ những bình diện khác nhau trong các lĩnh vực tâm lí học, xã hội học, giáo dục học thì cần hiểu trí tuệ theo một cách rộng rãi và đầy đủ hơn. Trí tuệ không chỉ được xem xét thuần túy từ một phía "trí tuệ hàn lâm" hoặc "thông minh lí trí", nói khác đi thì trí tuệ không chỉ là có vốn kiến thức sâu, rộng, là có trí nhớ tốt, là khả năng ứng đối nhanh nhẹn, sắc sảo; trí tuệ con người còn bao gồm "trí khôn thực hành" mà hạt nhân của nó là năng lực thích ứng và giải quyết các tình huống. Một yếu tố quan trọng để phát triển năng lực đó là các hoạt động của chính cá nhân trong cuộc sống và qua đó

mà rèn luyện bản lĩnh và trải nghiệm. Phẩm chất của trí tuệ không thể thiếu tính sáng tạo, phẩm chất này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi nước ta đang tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) trong bối cảnh toàn cầu hoá, giao lưu và hội nhập sâu rộng trên thế giới hiện nay. Sáng tạo đã trở thành một trong những phẩm chất hàng đầu của chất lượng nguồn nhân lực trong sự nghiệp phát triển của mỗi quốc gia, trong môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt hiện nay. Nói đến trí tuệ của con người còn phải kể tới trí tuệ cảm xúc, bao gồm các năng lực như năng lực hiểu biết mình và làm chủ các cảm xúc của mình trong hành động, trong việc đưa ra các quyết định, năng lực hiểu biết xúc cảm của người khác trong các mối quan hệ, trong các quá trình tham gia, hợp tác... Với trí tuệ xúc cảm, quan niệm truyền thống về sự đối kháng giữa lí trí và tình cảm là không còn thích hợp mà đúng ra là phải tìm được sự cân bằng tốt đẹp giữa lí trí và xúc cảm. Tóm lại, quá trình phát triển trí tuệ con người phải là quá trình đồng thời chăm lo tới việc hình thành và phát triển các yếu tố sau:

- Khả năng tư duy sáng tạo;
- Năng lực tiếp thu nhanh và vận dụng linh hoạt các kiến thức trong việc xử lí các tình huống, nói khái quát là năng lực thích ứng và cốt lõi là năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Năng lực kiểm chế, điều chỉnh các cảm xúc, thấu hiểu sự diễn biến và mức độ xúc cảm của người khác trong hành động, trong hợp tác;
- Có kiến thức cơ bản, đầy đủ và chắc chắn trong lĩnh vực hoạt động chuyên ngành, và quan trọng không kém là năng lực tự bổ sung, trau dồi kiến thức trong suốt cuộc đời để thích ứng với mọi sự thay đổi.

Trí tuệ con người là một khái niệm trừu tượng, song trong quá trình khám phá trí tuệ từ nhiều phương diện, bằng nhiều cách, các nhà khoa học, trước hết là những nhà tâm lí học đã tìm cách “đo” trí tuệ, ngay cả trí tuệ xúc cảm. Phương pháp luận của cách đo lường này đang dần được hoàn thiện; đặc biệt là qua hàng trăm năm, bộ công cụ đo ngày càng có độ tin cậy, độ hiệu lực, độ chuẩn hoá cao và ở một số nước, điển hình là Hoa Kỳ, việc đo trí tuệ - trước hết là đo chỉ số IQ được tiến hành rộng rãi với những mục đích cụ thể và được xã hội chấp nhận. Cũng còn có một số ý kiến tranh luận quanh vấn đề

này, song việc đo lường trí tuệ, trước hết là một phương pháp nghiên cứu trí tuệ đã được tán thành khá rộng rãi.

Những yếu tố tác động trực tiếp tới sự phát triển trí tuệ

Qua nghiên cứu và đo đạc trí tuệ có thể nêu lên được một số yếu tố chủ yếu liên quan trực tiếp tới phát triển trí tuệ. Đó là: (1) bẩm sinh di truyền, (2) hoàn cảnh tự nhiên, (3) GD gia đình, nhà trường, xã hội, (4) hoạt động cá nhân bao gồm cả hoạt động lao động sáng tạo lẫn hoạt động giao tiếp xã hội và ứng xử (kết hợp (2) và (3) lại có thể xem là yếu tố môi trường). Trong một thời gian dài, yếu tố bẩm sinh di truyền mà một trong những biểu hiện là chỉ số IQ, được quá coi trọng, đặc biệt là ở phương Tây. Trong mấy thập kỉ gần đây, khoa học nghiên cứu về trí tuệ đã đi đến những khẳng định về tầm quan trọng có tính quyết định đối với phát triển trí tuệ con người của yếu tố môi trường và hoạt động của cá nhân; yếu tố bẩm sinh di truyền chỉ đóng vai trò như một tiền đề. Môi trường ở đây cần được hiểu một cách rộng rãi là hoàn cảnh sống, điều kiện sống, hệ thống các mối quan hệ trong cộng đồng, xã hội, cơ hội và điều kiện GD, tác động của cả một nền văn hoá đến sự phát triển nhân cách... Ngoài ra còn có những yếu tố khác đáng chú ý, chẳng hạn như vấn đề thời điểm trong cuộc đời của một con người có ảnh hưởng tới các chỉ số (chỉ số IQ tăng vọt ở lứa tuổi 11-12, hoặc nói chung đến một lứa tuổi nhất định thì IQ có biểu hiện dừng lại, trẻ em gái cũng có những biểu hiện thay đổi chỉ số IQ ở tuổi dậy thì). Giới tính cũng có những ảnh hưởng đến chỉ số xúc cảm (chỉ số EQ của nữ thường cao hơn nam). Ngoài ra trình độ và nghề nghiệp của cha, mẹ có tác động khá rõ rệt đối với cả ba chỉ số. Từ những nhận xét trên đây, chúng ta nên lưu ý đến một số hiện tượng thực tế và tìm kiếm giải pháp khắc phục.

- Cải thiện đời sống vật chất, văn hoá cho nhân dân sẽ có tác động trực tiếp tới phát triển trí tuệ con người

Mẫu đo các chỉ số trí tuệ IQ, EQ, CQ mà đề tài KX-05-06 chọn lựa để đo bao gồm học sinh (HS), sinh viên (SV), lao động trẻ thuộc các vùng, miền khác nhau: đô thị, nông thôn, miền núi. Mỗi một địa phương đều có những bảng kết quả riêng đối với từng chỉ số. Kết luận đáng chú

ý nhất là về trung bình, cả ba chỉ số trên ở vùng đô thị đều cao hơn hẳn so với vùng nông thôn, miền núi. Điều này không có nghĩa là nói chung trẻ em vùng đô thị lúc sinh ra đã thông minh hơn trẻ em các vùng khác. Có một số trường hợp tuy là HS vùng nông thôn song có chỉ số IQ rất cao. Vấn đề là ở chỗ trí tuệ của các em được phát triển trong một môi trường như thế nào. Do có nhiều khó khăn nên trẻ em ở nông thôn, miền núi không có được những thuận lợi cơ bản như đa số trẻ em ở đô thị: việc nuôi dưỡng của bố mẹ, sự quan tâm và chỉ dẫn của gia đình trong học hành, trong ứng xử, trong việc uốn nắn và phát triển tính cách, thời gian dành cho học tập, sách vở và tài liệu học, đời sống tinh thần với nhiều nguồn thông tin qua các hình thức giải trí, các phương tiện truyền thông. HS ở vùng đô thị được sống một đời sống khá phong phú, tiếp xúc với nhiều tình huống đa dạng nên tích lũy được nhiều thông tin, kích thích trí tưởng tượng tốt hơn, khả năng thích ứng cũng được rèn luyện tốt hơn, gia đình nói chung có điều kiện quan tâm giúp đỡ, uốn nắn nhiều hơn. (Cách đây mấy năm, khi tiến hành đánh giá chất lượng học tập của HS lớp 3 và lớp 5 qua hai môn học là Toán và Tiếng Việt trên một mẫu gồm 12.000 HS thuộc 5 tỉnh, thành phố, các nhà nghiên cứu đã phân tích mối tương quan giữa thành tích học tập của HS với một số yếu tố được xem là có ý nghĩa rất quan trọng đối với thành tích đó như: trình độ giáo viên, sách giáo khoa, thư viện, đồ dùng dạy học, sự khang trang và chuẩn mực của trường lớp, sự quan tâm của cộng đồng, sự chăm sóc và trình độ của bố mẹ, kinh phí đầu tư, khả năng quản lí của hiệu trưởng... thì sự chăm sóc và trình độ của bố mẹ đứng ở vị trí thứ nhất, tức có tương quan mạnh nhất).

Các kết quả nêu trên cho thấy HS vùng nông thôn, vùng khó khăn đang chịu những thiệt thòi cho sự phát triển trí tuệ của bản thân và hậu quả của nó là trong thực tế đang tồn tại một khoảng cách về trình độ học tập giữa các vùng miền. Đảng và nhà nước ta đã có rất nhiều chính sách để đảm bảo công bằng trong GD thông qua các chương trình, các đề án. Tỷ lệ các hộ đói, nghèo đang giảm đáng kể ở hầu hết các địa phương, mạng lưới điện đã phủ gần kín các thôn xã, các trường đang được tiếp tục kiên cố hóa. Mặc dù vậy, việc phát triển trí tuệ cho nhân dân

ở các vùng khó khăn vẫn đang phải đương đầu với những thử thách lớn.

- Tiếp tục coi trọng hơn nữa việc hình thành và phát triển phẩm chất sáng tạo của trí tuệ người Việt Nam

Sáng tạo đang là một trong những giá trị hàng đầu của hệ thống giá trị của con người trong thời đại mới.

Kết quả đo chỉ số sáng tạo trên mẫu HS, SV, lao động trẻ của đề tài KX 05-06 đã cho phép rút ra kết luận bước đầu rất đáng lo ngại là năng lực sáng tạo ở các đối tượng trên (từ 70-80% số người được đo có chỉ số sáng tạo (CQ) từ rất thấp đến thấp, trong số đó có một tỷ lệ không nhỏ những người có chỉ số thông minh IQ trên trung bình). Đây là điều đáng báo động và việc làm đầu tiên là phải nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân của tình trạng đó. Có thể một trong các nguyên nhân chủ yếu là cách thức GD từ trong gia đình đến nhà trường. Mặc dù ở nước ta từ nhiều năm nay đã quan tâm tốt hơn nhiều đến việc khuyến khích, tôn vinh các giá trị sáng tạo nói chung, những con người tiêu biểu cho sáng tạo nói riêng, song tạo một nền tảng vững chắc cho việc phát triển năng lực sáng tạo của con người là yêu cầu cấp thiết mà GD là lĩnh vực đầu tiên phải quan tâm đáp ứng. Sáng tạo và trí thông minh không phải là những đại lượng tỷ lệ thuận, song để có được giá trị sáng tạo thì một nền học vấn ngày càng được nâng cao là điều kiện cần, đặc biệt trong thời đại hiện nay, thời đại mà một sản phẩm có giá trị phải là sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. Tuy nhiên, việc cung cấp một hệ thống kiến thức, kĩ năng cho con người chưa đủ để phát triển năng lực sáng tạo của người đó. Để có thể sáng tạo, con người cần thêm những phẩm chất và điều kiện khác nữa, đó là sự say mê tìm kiếm cái mới, tư duy phê phán phát triển mạnh mẽ, có ý chí, niềm tin và bản lĩnh vượt qua thử thách để kiên trì đi tới mục đích, có khả năng quan sát, giàu óc tưởng tượng, năng lực phát hiện vấn đề, chịu khó học hỏi. Có ý kiến cho rằng ở nước ta hiện nay, trước hết hãy GD cho thế hệ trẻ thực hiện tốt quy trình của công việc được giao, khép mình vào kỉ cương, đề cao ý thức tổ chức, kỉ luật làm việc nghiêm túc. Điều đó là đúng, song chỉ nâng cao ý thức chấp hành, đảm bảo nền nếp, kỉ cương thì hoàn toàn chưa đủ, vì đây chỉ thuộc vào phạm trù ý thức, thái độ. Sáng

tạo thuộc phạm trù năng lực nhằm đổi mới và có hiệu quả hơn trong công việc. Ngày nay, GD sáng tạo đang là yêu cầu cấp bách và được thực hiện một cách sáng tạo ở các quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc, *Về phát triển toàn diện con người thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
2. Trần Trọng Thủy, *Cơ sở lý luận định hướng nghiên cứu trí tuệ* - Chương I, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài KX-05-06, 2004.
3. Carroll. U. B, *Human Cognitive Abilities: A Survey of Factor - Analytic Studies*. New York: Cambridge University Press, 1993.

4. Gardner, H., Komhaber, M. L., & Wake, W. K., *Intelligence*: Fort Worth, TX: Harcourt Brace, 1996.
5. Sternberg, R.J., & Grigorenko, E. L., *Teaching for Successful Intelligence: To Increase Student Learning and Achievement*, Arlington Heights, IL: L Merrill Prentice Hall, 2000.

SUMMARY

Conception of intellect, factors mainly affecting intellectual development, solutions of improvement of physical as well social life for the people for intellectual development.

XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 13)

Nền GD chất lượng, ngoài việc GD, đào tạo bằng những chức năng, nhiệm vụ theo hệ thống chính của mình, thì còn có trách nhiệm vô cùng quan trọng là thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo lại để làm mới nguồn nhân lực trước yêu cầu đòi hỏi do sự chuyển đổi luôn biến động của quá trình phát triển kinh tế - xã hội với sự mất đi một vài ngành nghề cũ và ra đời nhiều ngành nghề mới tiên tiến, hiện đại. Để làm tốt được việc này, nền GD chất lượng thông qua các cơ sở GD cũng phải tự giới thiệu được mình với các cơ sở sản xuất, với các doanh nghiệp, với xã hội và thậm chí cả với khu vực và thế giới. Phải coi việc làm cho thực tiễn xã hội biết mình, hiểu mình, tin mình và đến với mình là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Đến với thực tiễn, đến với sản xuất cũng chính là để chính mình thấy được những tồn tại, những khiếm khuyết, những lỗ hổng mà cũng chính tự mình dám dưng cảm xoá bỏ chúng đi. Trong nền GD chất lượng mỗi người thầy còn phải là một nhạc trưởng biết chỉ huy, điều phối, tạo khả năng tiềm tàng cho người học, giúp người học tự biết mình, đánh giá được mình, biết tự tạo cơ hội để vượt qua được mọi thử thách trong tiến trình tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, quốc phòng xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện đại giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Khoa giáo Trung ương, *Giáo dục và đào tạo trong thời kì đổi mới, chủ trương, thực hiện, đánh giá*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
3. Chính phủ, *Báo cáo về tình hình giáo dục tại kì họp thứ sáu Quốc hội khoá IX tháng 10 năm 2004*.
4. Vũ Ngọc Hải, *Đổi mới giáo dục và đào tạo nước ta trong những năm đầu thế kỉ XXI*, Tạp chí Phát triển giáo dục số 4(52) năm 2003.
5. Vũ Ngọc Hải, *Cơ sở lý luận và thực tiễn của tư duy phát triển giáo dục ở nước ta*, Tạp chí Phát triển giáo dục, số 2(74) và 3(75) năm 2005.
6. Vũ Ngọc Hải, *Đổi mới cách nghĩ và cách làm giáo dục*. Tạp chí Phát triển giáo dục, số 4(76) năm 2005.
7. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng khoá VIII.
8. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX.
9. Nghị quyết số 37/2004/QH11, khoá XI, kì họp thứ sáu của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về giáo dục.

SUMMARY

The article clearly indicates the necessity of building a modern and quality education system of Vietnam. It analyses the weaknesses and limitation of the current education system at the same time analyses some important contents to be realized in the process of building a modern and quality education.